

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4- LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **94/2025/DS-ST**

Ngày : 30-9-2025

*“V/v tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4- LÂM ĐỒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tài

2. Bà Lê Thị Sáu

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Vương- Thư ký Toà án nhân dân khu vực 4- Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4- Lâm Đồng tham gia phiên tòa: không.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 4- Lâm Đồng (trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng cũ), xét xử sơ thẩm, công khai, theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 37/2025/TLST-DS ngày 19 tháng 3 năm 2025 về việc *“Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2025/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Ông **Dương Ngọc A**, sinh năm 1965. Địa chỉ: Thôn 2 LN, xã BL1, tỉnh L.

2. ***Bị đơn:*** Bà **Phạm Thị T**, sinh năm 1968 và ông **Nguyễn Văn X**, sinh năm 1962. Địa chỉ: Thôn 3 LN, xã BL 1, tỉnh L.

(ông A có mặt, bà T và ông X vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 10/02/2025 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn ông A trình bày:

Ông A xác nhận không có mối quan hệ anh em, họ hàng với bị đơn bà Phạm Thị T, ông Nguyễn Văn X, bà T, ông X là vợ chồng và hiện nay đang sinh sống tại địa phương thôn 3 LN, xã BL 1 (xã LN, huyện BL cũ), tỉnh L. Hai bên có quen biết do ở cùng xã LN.

Ngày 20/6/2024 ông A cho bà T vay số tiền 20.000.000 đồng, có lập giấy vay nợ, giấy vay do anh ruột ông A viết, bà T ký tên, ghi họ tên, trực tiếp nhận tiền,

vay không lãi, vay để làm ăn, thời hạn vay 02 tháng sẽ hoàn trả. Tuy nhiên đến hạn bà T không trả được nợ nên ký vào giấy khát nợ, hẹn đến ngày 02/9/2024 sẽ trả.

Ngày 25/6/2024 ông A cho bà T vay tiếp số tiền 108.000.000 đồng, có lập giấy vay tiền, giấy vay do người hàng xóm nhà ông A viết, vay không lãi, bà T ký tên, ghi họ tên, trực tiếp nhận tiền, thời hạn vay 01 tháng sẽ trả. Tuy nhiên sau đó bà T không trả nợ cho ông A mặc dù đã đòi nợ nhiều lần. Ngày 25/8/2024 bà T ký vào giấy hẹn nợ, có hẹn đến ngày 25/9/2024 sẽ trả nợ cho ông A.

Các khoản nợ trên đến nay bà T chưa trả nợ cho ông A.

Ông A khởi kiện tại Tòa án, có lựa chọn hòa giải viên tiến hành hòa giải cho các bên đương sự thỏa thuận về việc giải quyết vụ việc. Tuy nhiên bà T, ông X không đến làm việc.

Khi vay tiền thì bà T trực tiếp nhận tiền, nhưng bà T có nói vay để làm ăn, chi tiêu trong gia đình.

Nay ông A yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T, ông X liên đới chịu trách nhiệm trả toàn bộ số tiền 128.000.000 đồng cho ông A, yêu cầu tính lãi theo lãi suất 2%/tháng x 04 tháng (từ ngày 19/3/2025 đến ngày 19/7/2025) x 128.000.000 đồng = 10.240.000 đồng.

Về án phí sơ thẩm: ông A yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn bà Phạm Thị T, ông Nguyễn Văn X đều vắng mặt mặc dù đã được triệu tập hợp lệ.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 07/8/2025 nhưng không thành.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, thay đổi yêu cầu tính lãi theo lãi suất đối với hợp đồng vay không lãi theo quy định của pháp luật là 10%/năm. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Kết thúc phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4- Lâm Đồng không tham gia phiên tòa nên không có bài phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn bà Phạm Thị T, ông Nguyễn Văn X đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiếp tục xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

2. Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn, thấy rằng:

Nguyên đơn ông Dương Ngọc A xác nhận không có mối quan hệ anh em, họ hàng với bị đơn bà Phạm Thị T, ông Nguyễn Văn X, hai bên có quen biết.

Về sự việc cho vay tiền và dẫn đến tranh chấp như sau:

Tại “giấy mượn tiền” viết tay ghi ngày 20/6/2024 thể hiện: Bà Phạm Thị T vay của ông Dương Ngọc A số tiền 20.000.000 đồng, vay để làm ăn, không thể hiện lãi suất, thời hạn vay 02 tháng sẽ trả, bà T có gửi ông A 01 căn cước công dân để làm tin, người vay bà T ký tên, ghi họ tên “Phạm Thị T”. Ông A trình bày giấy vay là do anh ruột của ông A viết, bà T chỉ ký tên, ghi họ tên và trực tiếp nhận tiền, vay không lãi. Tại “giấy hẹn nợ” thể hiện: Do đến hạn trả khoản nợ ngày 20/6/2024 là ngày 20/8/2024 nhưng bà T chưa trả được nợ cho ông A nên có khát nợ đến ngày 02/9/2024 sẽ trả hết cho ông A. Bà T ký tên, ghi họ tên “Phạm Thị T”.

Tại “giấy mượn tiền” viết tay ghi ngày 25/6/2024 thể hiện nội dung: Bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Văn X vay của ông Dương Ngọc A số tiền 108.000.000 đồng, vay để chi dùng trong gia đình, không thể hiện lãi suất, thời hạn vay 01 tháng sẽ trả, bà T có gửi ông A 01 căn cước công dân để làm tin và đã nhận đủ tiền, người vay bà T ký tên, ghi họ tên “Phạm Thị T”. Ông A trình bày giấy vay là hàng xóm của ông A viết, bà T chỉ ký tên, ghi họ tên và trực tiếp nhận tiền, vay không lãi. Ông X không có mặt khi vay tiền, không nhận tiền. Tại “giấy hẹn nợ” ngày 25/8/2024 thể hiện: Ngày 25/6/2024 bà T vay 108.000.000 đồng. Do đến hạn trả là ngày 25/7/2024 nhưng bà T chưa trả được nợ cho ông A nên có khát nợ đến ngày 25/9/2024 sẽ trả hết cho ông A. Bà T ký tên, ghi họ tên “Phạm Thị T”.

Như vậy sự việc ông A cho bà T vay tiền là có thật, tổng số tiền ông A cho bà T vay là 128.000.000 đồng và có khát nợ khi chưa trả được. Hai lần vay tiền của ông A thì chỉ có bà T đến vay, nhận tiền. Ông A có trình bày khi vay bà T có nói vay để làm ăn, chi tiêu trong gia đình nên ghi vào nội dung giấy vay, tuy nhiên ông A xác nhận thực tế không có ông X tham gia, không ký tên trong giấy vay, không nhận tiền, không ký giấy khát nợ.

Sau khi viết giấy khát nợ đến nay thì bà T vẫn chưa trả nợ cho ông A. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án có triệu tập bà T, ông X nhiều lần để làm việc đều vắng mặt không có lý do vì vậy không có căn cứ xác nhận rằng số tiền trên ông X vay cùng bà T, tiêu xài chung và khát nợ nên không có căn cứ buộc ông X có nghĩa vụ liên đới với bà T để trả nợ cho ông A. Đến nay không có tài liệu chứng cứ nào thể hiện là bà T đã trả nợ cho ông A. Vì vậy ông A khởi kiện để yêu cầu bà T trả nợ là có căn cứ chấp nhận.

Về lãi phát sinh: Xét các khoản vay trên không thỏa thuận lãi suất trong giấy vay, ông A trình bày khi cho vay không tính lãi. Nay ông A yêu cầu tính lãi và đồng ý theo lãi suất 10%/năm (0,83%/tháng) tính từ ngày 19/3/2025 đến 19/7/2025 (làm tròn 04 tháng) như trên là phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự

nên cần xem xét chấp nhận, lãi phát sinh là $(10\%/năm = 0,83\%/tháng) \times 04 \text{ tháng} \times 128.000.000 \text{ đồng} = 4.249.600 \text{ đồng}$.

Tổng cả gốc và lãi bà T có nghĩa vụ trả cho ông A là 132.249.600 đồng.

Về 01 căn cước công dân của bà Phạm Thị T ông A giữ khi cho bà T vay tiền. Ông A trình bày đã tự giải quyết với bà T xong nên không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của Anh được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Buộc bà T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật trên số nợ phải trả cho ông A là 6.612.480 đồng $(132.249.600 \text{ đồng} \times 5\%)$.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 264, Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các điều 275, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Dương Ngọc A đối với bà Phạm Thị T, ông Nguyễn Văn X về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”.

Buộc bà Phạm Thị T có nghĩa vụ trả cho ông Dương Ngọc A số tiền 132.249.600 đồng (trong đó nợ gốc 128.000.000 đồng, lãi phát sinh là 4.249.600 đồng).

“Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Phạm Thị T phải chịu số tiền 6.612.480 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu

cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2015.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 4- Lâm Đồng;
- THADS tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng THADS khu vực 4- Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bích Thủy